

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
TÀI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Số: 805/QĐ-BCT

CÔNG VĂN BẢN

**TV Số: 115
ngày 27 tháng 06 năm 2014
ưu hồ sơ:**

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại
tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt - Trung với cơ cấu hợp lý, tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả trên cơ sở phát huy những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và hệ thống cửa khẩu;

b) Liên kết và tăng cường hợp tác trong mọi lĩnh vực nhằm thúc đẩy công nghiệp, thương mại phát triển trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung;

c) Phát triển công nghiệp, thương mại nhằm góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương trên tuyến. Đồng thời góp phần xoá đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm và các vấn đề xã hội;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, thương mại với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, đảm bảo quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu phát triển

a) Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2020 đạt khoảng 16,5 – 17,5%/năm; trong đó giai đoạn 2016-2020 khoảng 16% - 17%/năm; tỷ trọng GDP công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26 - 32% trong cơ cấu GDP;

b) Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2011-2020 đạt khoảng 19,5 - 20,5%/năm; trong đó giai đoạn 2016-2020 khoảng 17,5-18%; tốc độ tăng trưởng bình quân xuất nhập khẩu biên mậu giai đoạn 2011-2020 đạt khoảng 18-19%/năm.

3. Định hướng phát triển

3.1 Ngành công nghiệp

a) Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng như: công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện...;

b) Tăng cường mối liên kết vùng nhằm phát triển một số dự án quy mô lớn trong lĩnh vực chế biến khoáng sản, chế biến lâm sản và cơ khí chế tạo;

c) Phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và từng bước khôi phục lại một số làng nghề góp phần vào sản xuất hàng hoá phục vụ nhu cầu tại chỗ, giải quyết việc làm và phục vụ du lịch.

3.2. Ngành thương mại

a) Phát triển các loại hình thương mại hiện đại tại các khu vực đô thị kết hợp với các loại hình thương mại truyền thống (chợ, đại lý bán buôn, bán lẻ, cửa hàng bán lẻ...), mạng lưới kinh doanh xăng dầu; gắn phát triển hoạt động thương mại biên giới với phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa của các tỉnh biên giới;

b) Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng thương mại phục vụ cho xuất nhập khẩu hàng hoá. Đặc biệt chú trọng phát triển hệ thống logistics và hệ thống kho bãi phục vụ cho các hoạt động thương mại biên giới và cung cấp nguyên liệu cho sản xuất hàng hoá;

c) Hoàn thiện cơ chế điều phối hoạt động thương mại biên giới Việt - Trung linh hoạt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương, kết hợp với phân cấp quản lý, điều hành hoạt động thương mại biên giới một cách hợp lý.

4. Quy hoạch phát triển

4.1. Lĩnh vực công nghiệp

4.1.1. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

a) Đến năm 2020

Tập trung đầu tư, nâng cấp công nghệ khai thác nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, triển khai các dự án chế biến sâu một số khoáng sản có trữ lượng lớn như quặng apatít, đồng, đá xây dựng và quặng sắt.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Tiếp tục đầu tư thăm dò tài nguyên, đánh giá trữ lượng khoáng sản tại khu vực biên giới, đảm bảo độ tin cậy. Đồng thời, tập trung chế biến sâu với công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng giá trị và nâng cao hiệu quả trong chế biến khoáng sản.

4.1.2. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm và đồ uống

a) Đến năm 2020

Đầu tư các dự án chế biến lâm sản, nông sản để khai thác lợi thế về nguồn nguyên liệu từ chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản. Trong đó tập trung vào một số lĩnh vực như chế biến chè, chế biến lâm sản (gỗ, quế, hồi, nhựa thông). Đồng thời tiếp tục triển khai các dự án chế biến, bảo quản thực phẩm (thịt gia súc, gia cầm, nước giải khát, thạch đen, rượu...).

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hoá, tăng thêm giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước, kết hợp ưu tiên đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

4.1.3. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

a) Đến năm 2020

Đầu tư chuyển đổi công nghệ của một số cơ sở sản xuất xi măng, đá xây dựng và gạch. Đồng thời tận dụng nguồn nguyên liệu của các địa phương để sản xuất vật liệu không nung và tiến tới xóa bỏ các lò nung thủ công.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Đầu tư chuyển đổi công nghệ, thay thế dần công nghệ lạc hậu kết hợp ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến vào sản xuất các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, vật liệu tổng hợp.

4.1.4. Công nghiệp cơ khí, luyện kim

a) Đến năm 2020

Đầu tư một số dự án sản xuất thép quy mô lớn tại Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang. Tiếp tục đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và sản xuất các sản phẩm cơ khí, máy móc phục vụ nông, lâm nghiệp; các cửa hàng dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Đầu tư mới, mở rộng các dự án đóng tàu, sửa chữa tàu tại khu công nghiệp ven biển thuộc tỉnh Quảng Ninh và các cơ sở lắp ráp máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp tại các khu kinh tế cửa khẩu;

Tiếp tục phát triển các ngành tiểu, thủ công nghiệp, sản xuất các dụng cụ cầm tay, các dịch vụ sửa chữa thiết bị cơ khí và phương tiện vận tải.

4.1.5. Công nghiệp dệt may, da giày

a) Đến năm 2020

Triển khai đầu tư một số dự án quy mô lớn trong lĩnh vực dệt và một số dự án sản xuất giấy, kết hợp với khôi phục một số làng nghề thủ công để liên kết tạo ra các sản phẩm du lịch mới. Đồng thời, đầu tư các cơ sở may mặc quy mô nhỏ nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của đồng bào dân tộc trong khu vực.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Tiếp tục đầu tư một số dự án vào các khu công nghiệp trên địa bàn tuyến biên giới. Đồng thời, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu.

4.1.6. Công nghiệp hóa chất

a) Đến năm 2020

Tập trung đầu tư hoàn thành dự án sản xuất phân bón DAP và một số dự án sản xuất phân vi sinh và chất tẩy rửa, nhiên liệu sinh học. Tiếp tục phát triển một số dự án sản xuất liên quan đến phốt pho và chiết xuất dược liệu.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và thu hút đầu tư vào một số sản phẩm nhựa phục vụ tiêu dùng và hoá dược.

4.1.7. Sản xuất và phân phối điện

- Đồng bộ hoá, hiện đại hoá mạng lưới truyền tải, phân phối đảm bảo cung cấp điện liên tục, an toàn, hiệu quả, ưu tiên các phụ tải sản xuất, quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản tất cả các hộ dân được sử dụng điện;

- Ưu tiên phát triển một số nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

4.1.8 Tiểu thủ công nghiệp – Làng nghề

- Phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống có sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu tại địa phương như dệt, mây tre đan, chạm khắc gỗ, mộc dân dụng...;

- Tập trung hỗ trợ phát triển làng nghề, nghề truyền thống của đồng bào các dân tộc; đào tạo, du nhập nghề mới cho nhân dân để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần xoá đói, giảm nghèo.

4.2. Lĩnh vực thương mại

4.2.1. Hệ thống thị trường

a) Thị trường hàng tiêu dùng

- Đối với khu vực đô thị

+ Xây dựng cấu trúc cân đối, hợp lý giữa các khu thương mại - dịch vụ để hình thành mạng lưới các khu thương mại - dịch vụ;

+ Phát triển các hình thức bán lẻ mới như trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp, siêu thị chuyên doanh và siêu thị dạng kho hàng trong đó chủ yếu là loại hình kinh doanh tổng hợp;

+ Đa dạng chức năng của chợ bán buôn, chợ chuyên doanh theo hướng chuyển đổi các ban quản lý chợ sang doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh và áp dụng các hình thức giao dịch hiện đại, các dịch vụ tổng hợp.

- Đối với khu vực nông thôn

+ Phát triển thị trường nông thôn gắn với việc tổ chức tốt hệ thống chợ cụm xã và các cụm thương mại - dịch vụ tại các trung tâm dân cư, vừa đảm bảo kinh doanh và phục vụ hàng chính sách, vừa kết hợp hoạt động thương mại với giao lưu văn hóa của đồng bào dân tộc.

+ Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại phát triển hệ thống cửa hàng để trở thành kênh phân phối chủ yếu hàng công nghiệp tiêu dùng.

+ Tại các xã và trung tâm cụm xã, phát triển các chợ hạng III phục vụ cho việc trao đổi mua bán hàng hoá, nông sản; tại các khu dân cư tập trung chú ý phát triển phù hợp siêu thị quy mô hạng III.

b) Thị trường hàng nông sản

- Phát triển các trung tâm mua sắm, siêu thị, chuỗi cửa hàng thực phẩm ở khu vực đô thị;

- Khuyến khích các nhà sản xuất, nhà cung ứng bán nông sản vào các siêu thị, cửa hàng. Đồng thời phát triển hình thức mua bán thông qua hợp đồng giữa thương nhân và người nông dân.

c) Thị trường ngành hàng, mặt hàng xuất - nhập khẩu

- Đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị tăng thêm cao, tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỷ trọng hàng thô;

- Phát triển các hệ thống doanh nghiệp xuất, nhập khẩu kết hợp với nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu.

d) Tầm nhìn đến 2030

- Phát triển mạnh các hình thức bán lẻ mới như trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tổng hợp, siêu thị chuyên doanh và siêu thị dạng kho hàng trong đó chủ yếu là loại hình kinh doanh tổng hợp.

- Từng bước hiện đại mạng lưới phân phối, hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng, trong đó chú trọng phát triển các chuỗi liên kết theo phương thức nhượng quyền kinh doanh và các chuỗi liên kết tự nguyện của các siêu thị nhỏ, các cửa hàng chuyên doanh để tăng năng lực cạnh tranh;

- Phát triển các trung tâm logistics để cung cấp đồng bộ các dịch vụ hậu cần phân phối.

- Hệ thống doanh nghiệp thương mại

+ Các doanh nghiệp thương mại bán lẻ: Phát triển các doanh nghiệp thương mại bán lẻ của các thành phần kinh tế theo những loại hình như: trung tâm thương mại; siêu thị vừa và nhỏ; chợ tổng hợp, chợ chuyên doanh, chợ nông thôn...

+ Các doanh nghiệp thương mại bán buôn: Tiếp tục phát triển các doanh nghiệp thương mại bán buôn theo các loại hình như: công ty bán buôn tổng hợp, công ty bán buôn chuyên doanh, hợp tác xã thương mại thu mua, trung tâm kho vận và trung chuyển.

+ Các đại lý:

Thay đổi chức năng và vai trò của các đại lý từ bán buôn đơn thuần sang cung cấp dịch vụ là chính. Các nhà bán buôn, đại lý sẽ chuyển trọng tâm từ mua bán, giao dịch, lợi nhuận ngắn hạn chuyển sang xây dựng thương hiệu dịch vụ phân phối hàng hóa;

Tăng mức độ chuyên nghiệp hoá trong hệ thống đại lý, phát triển một cách chuyên nghiệp hoá theo từng loại hình kênh phân phối.

4.2.2. Kết cấu hạ tầng thương mại

a) Các khu thương mại

Xây dựng và nâng cấp các khu thương mại tại trung tâm các huyện, trong đó tập trung đầu tư phát triển nhanh ở các khu thương mại tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh, cửa khẩu Móng Cái, cửa khẩu Lào Cai.

b) Các trung tâm trung chuyển và kho vận

Xây dựng trung tâm trung chuyển tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng,

Lào Cai, Móng Cái và các hệ thống kho bãi tại các cửa khẩu Mường Khương, Xín Mần, Thanh Thủy, Sóc Giang, Hùng Quốc, Tà Lùng, Hoàng Mô và Bắc Phong Sinh.

c) Sàn giao dịch hàng hóa

Thí điểm xây dựng sàn giao dịch hàng hóa tại một trong các địa điểm: khu Thương mại Tân Thanh, khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành và Khu thương mại trong khu Kinh tế cửa khẩu Móng Cái và tại các cửa khẩu Hoàng Mô, Tà Lùng, Thanh Thủy.

d) Trung tâm thương mại

Xây dựng Trung tâm thương mại tại các khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, Lào Cai, Móng Cái, Thanh Thủy...

đ) Hệ thống siêu thị

Xây dựng siêu thị tổng hợp hạng 2 tại Hải Hà, Cao Lộc, Vị Xuyên. Đồng thời xây dựng và nâng cấp các siêu thị hạng 3 tại khu vực thị trấn các huyện biên giới.

e) Hệ thống chợ

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp mở rộng hệ thống chợ đường biên tại các lối mở phục vụ nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hoá của cư dân sinh sống ở khu vực biên giới, kết hợp xây dựng mới một số chợ cửa khẩu;

- Nâng cấp, mở các chợ hạng 3 tại các xã phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư trên địa bàn, đồng thời là nơi trao đổi, mua bán hàng nông sản thực phẩm.

6. Một số giải pháp chủ yếu

6.1. Giải pháp ngắn hạn

a) Tập trung phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống vận tải, kho bãi, khu kiểm hoá tại các khu vực cửa khẩu biên giới. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại tại các khu vực cửa khẩu biên giới như kho tàng đề bảo quản, chợ biên giới, khu gia công chế biến, phân loại đóng gói hàng hoá xuất khẩu;

b) Thành lập Trung tâm điều phối hoạt động thương mại biên giới nhằm thu thập đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến thị trường, cơ chế, chính sách của Trung Quốc để cung cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đồng thời điều tiết các hoạt động xuất khẩu nhằm đạt được hiệu quả nhất.

6.2. Giải pháp dài hạn

a) Tiếp tục triển khai các hoạt động liên quan đến thành lập các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới để thuận tiện cho việc xuất, nhập khẩu hàng hoá. Phối hợp ban hành cơ chế chính sách quản lý thống nhất, có sự phối hợp giám sát giữa hai bên nhằm phát huy tối đa lợi thế của mỗi bên và đảm bảo hài hòa lợi ích chung.

b) Hoàn thiện hành lang pháp lý giữa hai nước, tạo điều kiện đơn giản hoá các thủ tục hành chính (như thủ tục Hải quan, kiểm dịch động thực vật, thị thực xuất nhập cảnh...) theo mô hình dịch vụ một cửa liên thông, nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp và cư dân biên giới giữa hai nước được trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại hỗ trợ nhau cùng phát triển.

c) Đẩy mạnh các hoạt động thương mại biên giới tại các khu kinh tế cửa khẩu, khu vực chợ biên giới..., cũng như trong khuôn khổ hợp tác kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

d) Phát triển tiêu thụ công nghiệp và khôi phục lại các làng nghề nhằm xoá đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

đ) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp tạo điều kiện cho các nhà đầu tư. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án quy mô lớn và có sức lan toả.

e) Triển khai đồng bộ một số giải pháp liên quan khác như phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường, xúc tiến đầu tư nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp và thương mại tuyến biên giới Việt - Trung phát triển.

g) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch nhằm đảm bảo việc triển khai quy hoạch một cách thống nhất, tuân thủ phân bố không gian và liên kết tuyến nhằm hạn chế việc đầu tư chồng chéo gây lãng phí; khai thác tối đa lợi thế của từng địa phương trong tuyến và phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư.

7. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm công bố “Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại dọc tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

b) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các

tình trên tuyến biên giới Việt - Trung đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh trên tuyến biên giới Việt - Trung

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch; chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư. Khẩn trương triển khai xây dựng các công trình hạ tầng đặc biệt là hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt - Trung để rà soát, điều chỉnh nội dung quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại cho phù hợp, tránh đầu tư chồng chéo.

- Xây dựng chương trình chung về xúc tiến kêu gọi đầu tư và triển khai quy hoạch một cách thống nhất, góp phần phát triển hài hoà, giải quyết vấn đề lao động và an sinh xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, tuyến biên giới Việt - Trung và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, tuyến biên giới Việt - Trung;
- Lãnh đạo Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công nghiệp;
- Viện Nghiên cứu Thương mại;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KH (2b).



Vũ Huy Hoàng



PHỤ LỤC

DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU

(Kèm theo Quyết định số 805 /QĐ-BCT

ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

1.	Khai thác và khai thác tận thu kết hợp với tuyển quặng sắt, chì, kẽm	Các huyện giáp biên giới thuộc Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng
2.	Khai thác, mở rộng và tuyển quặng Apatit	Bát Xát (Lào Cai)
3.	Mở rộng, nâng công suất khai thác mỏ đá vôi cung cấp nguyên liệu cho nhà máy xi măng	Cao Lộc (Lạng Sơn) và Bảo Lâm (Cao Bằng)
4.	Mở rộng nhà máy luyện đồng Tầng Loòng	Bảo Thắng (Lào Cai)
5.	Luyện chì tách bạc và ổn định nguyên liệu đầu vào cho chế biến chì thời	Vị Xuyên (Hà Giang), Cao Lộc (Lạng Sơn)
6.	Thăm dò đánh giá trữ lượng đảm bảo khai thác ổn định quặng sắt, đồng, barit, đất hiếm, cao lanh, fenspat, chì kẽm	Các huyện biên giới thuộc Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn

2. CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ, LUYỆN KIM, THIẾT BỊ ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

1.	Đóng tàu, thiết bị siêu trường, siêu trọng, máy nâng hạ, vận chuyển, sửa chữa tàu, thuyền	Hải Hà, Móng Cái (Quảng Ninh)
2.	Sản xuất lắp ráp ô tô tải, xe chở khách cỡ nhỏ	Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, Đồng Đăng, Móng Cái
3.	Sản xuất tấm lợp kim loại, kết cấu thép như khung nhà tiền chế, giá kệ	Lào Cai, Cao Lộc (Lạng Sơn), Móng Cái, Hải Hà (Quảng Ninh)
4.	Luyện, cán thép tại Hải Hà	Hải Hà (Quảng Ninh)
5.	Sản xuất cơ khí nhỏ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp	Các huyện giáp biên giới

6.	Sản xuất, lắp ráp thiết bị, linh kiện điện tử	Lào Cai, Đồng Đăng (Lạng Sơn), Móng Cái, Hải Hà (Quảng Ninh)
----	---	--

4. SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1.	Sản xuất gạch không nung	Các huyện giáp biên giới
2.	Sản xuất gạch, ngói lò tuy nện	Mường Nhé, Phong Thổ, Si Ma Cai, Bảo Lạc, Hòa An, Lộc Bình, Cao Lộc, Tràng Định, Đình Lập, Bình Liêu, Hải Hà và một số huyện có tiềm năng
3.	Chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng từ lò đứng sang lò quay	Phong Thổ (Lai Châu), Vị Xuyên (Hà Giang), Bảo Thắng (Cao Bằng)
4.	Sản xuất đá ốp lát, đá xây dựng	Mường Tè, Phong Thổ, Sin Hồ (Lai Châu), Bình Liêu, Móng Cái, Hải Hà (Quảng Ninh)

5. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, SẢN THỰC PHẨM

1	Chế biến chè xanh, chè đen công nghệ hiện đại	Mường Nhé, Mường Khương, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Hòa An, Bảo Thắng, Đình Lập, Móng Cái
2	Chế biến thịt gia súc, gia cầm	Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, Đồng Đăng, Móng Cái
3	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Vị Xuyên (Hà Giang), Đồng Đăng (Lạng Sơn), Hải Hà (Quảng Ninh)
4	Kho lạnh bảo quản thực phẩm	Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, Tà Lùng, Lào Cai, Đồng Đăng, Móng Cái
5	Sản xuất rượu	TP Lào Cai, Mường Khương, Si Ma Cai (Lào Cai), Quản Bạ (Cao Bằng), Cao Lộc (Lạng Sơn), Yên Minh (Hà Giang), Bình Liêu (Quảng Ninh)
6	Sản xuất gỗ ván dăm, MDF, tinh bột giấy	Mường Tè (Lai Châu), TP Lào Cai, Si Ma Cai, Mường Khương, Bảo Thắng (Lào Cai), Bảo Lạc, Thông Nông, Phục Hoà (Cao Bằng), Cao Lộc, Tràng Định (Lạng Sơn), Móng Cái, Bình Liêu (Quảng Ninh)
7	Chế biến nhựa thông, tinh dầu hồi, quế	Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng

6. CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ SẢN PHẨM HÓA CHẤT

1.	Sản xuất phân DAP	Bảo Thắng (Lào Cai)
----	-------------------	---------------------

2.	Mở rộng Nhà máy phốt pho vàng	Bảo Thắng (Lào Cai)
3.	Sản xuất phân vi sinh	Cao Lộc (Lạng Sơn), Bình Liêu (Quảng Ninh)
4.	Chiết xuất hóa dược có nguồn gốc thiên nhiên	TP Lào Cai (Lào Cai), Tà Lùng (Cao Bằng), Thanh Thủy, Vị Xuyên (Hà Giang)
5.	Sản xuất chất tẩy rửa công nghiệp, dân dụng	TP Lào Cai (Lào Cai), Móng Cái (Quảng Ninh)
6.	Chế biến mủ cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp	Các huyện thuộc Điện Biên, Lai Châu
7.	Sản xuất thuốc kháng sinh, hóa dược vô cơ và tá dược thông thường	Thành phố Lào Cai, Cao Lộc, Móng Cái,

7. CÔNG NGHIỆP MAY MẶC, DA GIÀY

1.	Sản xuất sợi, vải và các phụ phẩm	Móng Cái (Quảng Ninh)
2.	Khôi phục thêu, dệt thổ cẩm	Các địa phương có làng nghề
3.	Sản xuất giày xuất khẩu	Khu kinh tế cửa khẩu

8. SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN

1	Huội Quảng #1, 2	Lai Châu
2	Sông Lô 6	Bắc Quang
4	Đồng bộ hóa hệ thống lưới điện giữa nguồn và phụ tải	Các huyện giáp biên giới
5	Thủy điện Lai Châu	Mường Tè, Lai Châu
6	Thủy điện Bảo Lâm	Bảo Lâm, Cao Bằng
7	Nhiệt điện Na Dương II #1,2	Lộc Bình, Lạng Sơn
8	Các dự án thủy điện nhỏ phù hợp với quy định tại Thông tư số: 43/2012/TT-BCT	Các huyện giáp biên giới

9. HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI

Huyện Mường Nhé	
Các khu chức năng	Cửa khẩu A Pa Chải
Chợ hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Phong Thổ	
Các khu chức năng	Cửa khẩu Ma Lù Thàng
Chợ hạng 3	Trung tâm huyện
Siêu thị	Trung tâm huyện
Trung tâm thương mại	Trung tâm huyện
Siêu thị	Trung tâm huyện

Siêu thị	Xã Nậm Hàng
02 Chợ biên giới	Thu Lũm, Ka Lăng
Huyện Sìn Hồ	
Chợ hạng 2	Trung tâm huyện
Siêu thị hạng 3	Nậm Tăm
TP Lào Cai	
Đại siêu thị	KKT Cửa khẩu Lào Cai
Nâng cấp trung tâm thương mại Kim Thành	KKT Cửa khẩu Lào Cai
Kho chứa hàng hóa	KKT Cửa khẩu Lào Cai
TT giới thiệu sản phẩm	KKT Cửa khẩu Lào Cai
Sàn giao dịch hàng hóa	KKT Cửa khẩu Lào Cai
Huyện Bát Xát	
Chợ hạng 2	Trung tâm huyện
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Bảo Thắng	
Chợ hạng 2	Trung tâm huyện
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Mường Khương	
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Mường Khương
Chợ hạng 2	Trung tâm huyện
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Si Ma Cai	
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Xín Mần	
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Xín Mần
Chợ hạng 2	Cửa khẩu Xín Mần
Siêu thị tổng hợp loại 3	Thị trấn Cốc Pài
Huyện Hoàng Su Phì	
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Vinh Quang
Huyện Vị Xuyên	
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Thanh Thủy.
Khu thương mại	Cửa khẩu Thanh Thủy.
Siêu thị hạng 2	Thị trấn Vị Xuyên
Huyện Quản Bạ	
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Yên Minh	
Siêu thị hạng 3	Trung tâm huyện
Huyện Đồng Văn	
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Phố Bàng, Đồng Văn
Huyện Mèo Vạc	
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Mèo Vạc
Điểm thương mại	Nho Quế

Siêu thị hạng 3	Nho Quế
Huyện Hà Quảng	
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Sóc Giang
Khách sạn	Cửa khẩu Sóc Giang
Chợ hạng 2	Cửa khẩu Sóc Giang
Siêu thị tổng hợp loại 3	Cửa khẩu Sóc Giang
Huyện Trà Lĩnh	
TT giao dịch thương mại	Cửa khẩu Hùng Quốc
Siêu thị hạng 3	Cửa khẩu Hùng Quốc
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Hùng Quốc
Cải tạo, nâng cấp chợ biên giới	Đức Long-Bó Cục
Huyện Trùng Khánh	
Siêu thị hạng 3	Cửa khẩu Ngọc Khê
Chợ biên giới	Khu vực thác Bản Giốc
Huyện Phục Hòa	
Siêu thị hạng 2	Cửa khẩu Tà Lùng
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Tà Lùng
Sàn giao dịch hàng hóa	Cửa khẩu Tà Lùng
Huyện Thạch An	
Siêu thị hạng 2	Thị trấn Đông Khê
Huyện Cao Lộc	
Siêu thị hạng 1	KKT Cửa khẩu Đồng Đăng
TT thương mại	KKT Cửa khẩu Đồng Đăng
TT bán buôn	KKT Cửa khẩu Đồng Đăng
TT giới thiệu sản phẩm	KKT Cửa khẩu Đồng Đăng
Siêu thị hạng 2	Thị trấn Cao Lộc
Huyện Lộc Bình	
TT thương mại	Cửa khẩu Chi Ma
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Lộc Bình
Siêu thị tổng hợp	Cửa khẩu Chi Ma
Huyện Tràng Định	
TT thương mại	Thị trấn Thất Khê
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Thất Khê
Huyện Văn Lãng	
Siêu thị hạng 1	Cửa khẩu Tân Thanh
TT thương mại	Thị trấn Na Sầm
Siêu thị tổng hợp	Thị trấn Na Sầm
Huyện Đình Lập	
Siêu thị hạng 3	Thị trấn Đình Lập
Huyện Bình Liêu	
Siêu thị tổng hợp	Cửa khẩu Hoành Mô
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Hoành Mô
Sàn giao dịch hàng hóa	Cửa khẩu Hoành Mô

Siêu thị hạng 3	Thị trấn Bình Liêu
Huyện Hải Hà	
Siêu thị hạng 2	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh
TT thương mại	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh
TT giới thiệu sản phẩm	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh
Siêu thị hạng 2	Khu vực thị trấn
Thành phố Móng Cái	
Siêu thị hạng 1	Cửa khẩu Móng Cái
Kho chứa hàng hóa	Cửa khẩu Móng Cái
Sàn giao dịch hàng hóa	Cửa khẩu Móng Cái
TT thương mại	Cửa khẩu Móng Cái
TT Hội chợ triển lãm	Thành phố Móng Cái
TT giới thiệu sản phẩm	Cửa khẩu Móng Cái
TT bán buôn	Cửa khẩu Móng Cái